

Dạy học triết học theo quy luật nhận thức

Luu Thị Mai Thanh*

*ThS. Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng

Received: 27/11/2024; Accepted: 02/12/2024; Published: 11/12/2024

Abstract: Philosophy is an abstract subject and its knowledge originates from practical life. Therefore, during the teaching process, teachers need to give practical examples for analysis. This method will help students see the connection between philosophical knowledge and life; From there, the ability to solve practical problems is formed through methodological lessons of philosophy. In this article, the author proposes to apply cognitive laws to teaching philosophy, generalizing them into teaching steps to bring high efficiency in the process of teaching and learning philosophy.

Keywords: Cognitive Regulation, Philosophy, Teaching Philosophy according to Cognitive Regulation.

1. Đặt vấn đề

Theo quan điểm biện chứng, nhận thức là quá trình phản ánh tích cực, sáng tạo thế giới khách quan vào bộ óc người trên cơ sở thực tiễn nhằm tạo ra tri thức về thế giới khách quan. Vì vậy, giữa nhận thức và thực tiễn có mối quan hệ biện chứng với nhau. Thực tiễn là cơ sở, động lực, mục đích của nhận thức và là tiêu chuẩn để kiểm tra tính đúng sai của nhận thức. Về mặt phương pháp luận đòi hỏi trong hoạt động nhận thức con người phải xuất phát từ thực tiễn; đồng thời tự giác vận dụng chân lý vào hoạt động thực tiễn để một mặt điều chỉnh nhận thức, mặt khác thúc đẩy sự phát triển thực tiễn.

Triết học là một môn khoa học đặc thù, lý thuyết mang tính trừu tượng và khái quát. Trong quá trình giảng dạy triết học, thay vì áp dụng phương pháp thuyết trình truyền thống thì GV nên áp dụng quy tắc nhận thức sẽ giúp cho sinh viên (SV) hứng thú hơn trong việc học triết học, cũng như hình thành năng lực vận dụng tri thức triết học vào cuộc sống.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Quy luật nhận thức

Lý luận về nhận thức là một trong những nội dung quan trọng của triết học Mác – Lênin. Để phản ánh đúng đắn khách thể thì trong quá trình nhận thức chủ thể cần nắm vững QLNT. Quy luật đó được V.I.Lênin khái quát như sau: “*Từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng, và từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn – đó là con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý, của sự nhận thức thực tại khách quan*” [1]

2.2. Dạy học theo QLNT

Có thể hiểu, dạy học theo QLNT là phương pháp giảng dạy trong đó người dạy dẫn dắt người học đi từ cảm nhận trực tiếp đến việc nắm bắt kiến thức và vận dụng nó vào trong thực tiễn cuộc sống.

Dạy học triết học theo QLNT là kiểu “tư duy logic ngược”. Nghĩa là cho SV cảm nhận trực tiếp bằng các hình ảnh, câu chuyện trực quan để nắm bắt các khái niệm, rút ra bài học phương pháp luận và vận dụng vào đời sống thực tiễn của bản thân hoặc có năng lực đánh giá năng lực tư duy về vấn đề của người khác. Dạy học theo QLNT có các giai đoạn:

Thứ nhất, đi từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng. Đây là giai đoạn GV giúp SV tiếp nhận dễ dàng các khái niệm, phạm trù, nguyên lý qua các hình ảnh, mô hình, video, tình huống có trong thực tế hoặc giả định tình huống.

Thứ hai, đi từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn. Đây là giai đoạn mà sau khi SV nắm bắt và hiểu được những kiến thức, nguyên lý triết học. Trên cơ sở đó, họ có khả năng phân tích, suy luận và áp dụng những lý thuyết đó vào thực tiễn của đời sống.

Căn cứ vào các giai đoạn của QLNT; vận dụng vào dạy học triết học xây dựng quy trình gồm 3 bước:

Bước 1: Khởi gợi kiến thức thông qua lựa chọn tình huống trực quan.

Dựa vào nội dung kiến thức cần truyền đạt, GV lựa chọn những tình huống phù hợp với kiến thức để SV trực quan. Tình huống có thể là video, hình ảnh, mô hình trực quan, câu chuyện, sự kiện, hiện tượng ... Những tình huống đưa ra có thể là tình huống thực, tình huống giả định hoặc tình huống do SV đưa ra.

Bước 2: Từ tình huống trực quan rút ra nhận thức.

Sau khi đưa ra tình huống, GV sẽ gợi ý cho SV các hướng giải quyết dưới dạng các câu hỏi. SV có thể chia thành từng nhóm để thảo luận, tranh biện, trình bày quan điểm của cá nhân hoặc nhóm bằng các lập luận hợp lý.

Sau khi ghi nhận các ý kiến của các nhóm, từng thành viên trong nhóm, GV sẽ dựa vào đó đánh giá vấn đề đang thảo luận, tổng kết tình huống, rút ra kiến thức.

Kiến thức triết học là những khái niệm, phạm trù, nguyên lý, quy luật. GV có nhiệm vụ phân tích đề SV hiểu đúng, sâu sắc bản chất của kiến thức đó.

Bước 3: Vận dụng nhận thức vào thực tiễn: GV kiểm tra, đánh giá lại nhận thức của SV về những kiến thức đã học. Hình thức kiểm tra, đánh giá bằng nhiều cách. Chẳng hạn như vận dụng kiến thức đã có để giải quyết lại tình huống ban đầu, hoặc tình huống khác, hoặc nêu lên sự vận dụng vào cuộc sống của bản thân.

2.3. Ví dụ minh họa quá trình dạy học triết học theo QLNT

Ví dụ 1: Giảng dạy nội dung “*Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm*”.

Bước 1: *Khơi gợi kiến thức thông qua lựa chọn tình huống trực quan.*

Để giúp SV nhận thức chủ động khái niệm chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm, GV đưa ra tình huống như sau:

“Có hai SV A và SV B tranh cãi với nhau về nguồn gốc của thế giới. SV A nói: “Thế giới hiện nay có vô vàn các sự vật, hiện tượng khác nhau. Sở dĩ nó phong phú như vậy là do trước đó Chúa đã sáng tạo ra, ngay cả con người cũng do Chúa tạo ra đấy”. SV B suy nghĩ rồi trả lời: “Mình thấy quan niệm của bạn không đúng. Thế giới này không có thần thánh. Các sự vật, hiện tượng đa dạng là do tự nó có và tự nó thích nghi với môi trường sống”.

Sau đó, GV đưa ra một vài câu hỏi cho SV nghiên cứu, thảo luận và trả lời. Chẳng hạn như:

Hãy chỉ ra sự khác nhau về thế giới quan của hai SV A và SV B.

Bằng nhận thức của bản thân, theo anh (chị) quan điểm nào là của trường phái chủ nghĩa duy vật, quan điểm nào là của trường phái chủ nghĩa duy tâm.

Bước 2: *Từ tình huống trực quan rút ra nhận thức:* GV sẽ giải thích các khái niệm chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm cũng như chỉ ra các hình thức của chúng. Như vậy, việc dựa vào tình huống để luận giải khái niệm sẽ giúp SV chủ động nắm bắt kiến thức và ghi nhớ lâu hơn.

Bước 3: *Vận dụng nhận thức vào thực tiễn:* GV kiểm tra và đánh giá nhận thức của SV về chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm; phân biệt sự khác nhau giữa các hình thức của chủ nghĩa duy vật và

chủ nghĩa duy tâm. Hình thức kiểm tra đánh giá nhận thức của SV là quay về nhận định lại tình huống ban đầu hoặc đưa ra tình huống mới.

Ví dụ 2: Giảng dạy nội dung “*Biện chứng và siêu hình*”:

Bước 1: *Khơi gợi kiến thức thông qua lựa chọn tình huống trực quan*

Để giúp SV nắm được kiến thức về biện chứng và siêu hình GV đưa ra tình huống sau:

“Hoàn thành công việc đồng áng, ông Hoà tranh thủ đi cắt tóc. Sau khi cắt tóc xong, ông hỏi anh thợ cắt tóc: “Hết bao nhiêu tiền để chú trả”. Anh thợ cắt tóc vừa dọn dẹp vừa lễ phép trả lời: “Dạ, ba mươi ngàn đồng thưa chú”. Ông Hoà giãy nảy: “Sao đắt thế? Cách đây vài tháng chú lấy hai mươi ngàn đồng thôi mà”. Anh thợ cắt tóc phân trần: “Thưa chú, dạo này mọi chi phí đều tăng lên gấp đôi, từ lương thực, xăng dầu, tiền điện, tiền nước, tiền thuê cái quán này cũng tăng lên chú à”. Ông Hoà tỏ vẻ bức bối: “Giá lương thực, điện nước, xăng dầu, thuê quán đúng là tăng cao nhưng mà có liên quan gì đến việc cắt tóc đâu? Chú mà “chém” đắt quá!”. Nói vậy nhưng ông Hoà vẫn móc ví trả tiền. Chứng kiến câu chuyện của ông Hoà từ đầu tới cuối, SV A cho rằng lập luận của anh thợ cắt tóc rất biện chứng còn lập luận của ông Hoà thì mang tính siêu hình”.

Từ tình huống trên, GV sẽ đặt ra những câu hỏi. Chẳng hạn như:

Ông Hoà thừa nhận hay phủ nhận mối liên hệ giữa việc giá cả hàng hoá tăng

lên với giá cả cắt tóc? Cách xem xét của anh thợ cắt tóc khác với ông Hoà như thế nào? Anh (chị) có đồng ý với ý kiến của SV A không? Tại sao?

Bước 2: *Từ các tình huống đó rút ra nhận thức.*

Sau khi SV trả lời, GV sẽ tổng kết lại vấn đề như sau: cách xem xét sự việc của ông Hoà là siêu hình, còn của anh thợ cắt tóc là biện chứng. Bởi vì, siêu hình là phương pháp tư duy xem xét sự vật, hiện tượng trong sự tách rời, cô lập nhau. Còn biện chứng là phương pháp tư duy xem xét sự vật, hiện tượng trong mối liên hệ ràng buộc, quy định lẫn nhau. Qua đó, SV nắm được đặc trưng của mỗi phương pháp tư duy khi xem xét sự vật, hiện tượng. Hiểu được ưu điểm, khuyết điểm của phương pháp siêu hình; đồng thời thấy được vai trò quan trọng của tư duy biện chứng trong cách xem xét và đánh giá sự vật, sự việc.

Bước 3: *Vận dụng nhận thức vào thực tiễn*

Ở bước này, để củng cố, kiểm tra và đánh giá mức độ nhận thức kiến thức của SV, GV đưa ra tình huống

mới để SV giải quyết hoặc yêu cầu SV nêu lên sự vận dụng kiến thức này vào đời sống của bản thân. Như thế sẽ giúp SV thấy được mối liên hệ mật thiết giữa tri thức triết học với cuộc sống.

Ví dụ 3: Giảng dạy nội dung “*Mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức*” của chương 2.

Bước 1: *Khơi gợi kiến thức thông qua lựa chọn tình huống trực quan*

Để giúp SV hiểu được quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức, GV đưa ra tình huống sau:

Cho SV xem một đoạn video kể về câu chuyện của bà Nguyễn Thị Vân - Chủ tịch Hội đồng quản lý Trung tâm Nghị lực sống. Bà bị teo cơ tuỷ sống nhưng với ý chí, nghị lực phi thường bà đã vượt qua số phận và trở thành người có ích cho chính mình và xã hội.

Sau khi SV xem xong đoạn video GV đặt ra những câu hỏi liên quan đến kiến thức về vật chất và ý thức. Chẳng hạn như: Trong câu chuyện trên, yếu tố nào là vật chất, yếu tố nào là ý thức? Mối quan hệ giữa chúng được biểu hiện như thế nào?

Bước 2: *Từ tình huống đó rút ra nhận thức.*

Ở bước này, GV tổng kết lại và đưa ra nhận thức như sau: Hoàn cảnh bị bệnh tật là yếu tố vật chất, còn ý chí nghị lực vượt lên số phận là ý thức. Từ câu chuyện tình huống đó, GV rút ra kiến thức cơ bản về mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức. Qua câu chuyện tình huống, SV sẽ dễ dàng chủ động nắm bắt kiến thức về mối quan hệ giữa vật chất và ý thức, rút ra ý nghĩa phương pháp luận để áp dụng vào cuộc sống của bản thân.

Bước 3: *Vận dụng nhận thức vào thực tiễn:* GV kiểm tra, đánh giá, củng cố kiến thức của SV thông qua việc xây dựng tình huống mới hoặc yêu cầu SV nêu lên sự vận dụng phương pháp luận đó của bản thân.

Ví dụ 4: Giảng dạy nội dung “*Cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng*”.

Bước 1: *Khơi gợi kiến thức thông qua lựa chọn tình huống trực quan*

Nhằm giúp SV nắm được các khái niệm cơ sở hạ tầng, kiến trúc thượng tầng, GV đưa ra tình huống như sau: Sau đại dịch Covid 19, kinh tế toàn cầu trong đó có Việt Nam khủng hoảng trầm trọng. Để khắc phục thực trạng đó, Chính phủ đã ban hành các chính sách để hồi phục và thúc đẩy nền kinh tế Việt Nam phát triển. Anh (chị) hãy chỉ ra cơ sở hạ tầng, kiến trúc thượng tầng trong tình huống trên? Mối

quan hệ giữa chúng biểu hiện như thế nào? Ý nghĩa của nó như thế nào trong đời sống xã hội?

Bước 2: *Từ tình huống đó rút ra nhận thức.*

GV tổng kết các câu trả lời của SV và đưa ra kết luận. Nền kinh tế khủng hoảng trong đại dịch Covid 19 là biểu hiện của cơ sở hạ tầng; còn Chính phủ ban hành chính sách hồi phục và phát triển kinh tế là kiến trúc thượng tầng. Từ đó có thể thấy rằng, cơ sở hạ tầng là nền tảng sinh ra kiến trúc thượng tầng; kiến trúc thượng tầng có thể thúc đẩy và kìm hãm sự phát triển kinh tế. Bài học phương pháp luận rút ra đối với những chủ thể làm chính sách, đường lối là: Muốn xây dựng chính sách kinh tế phù hợp thì phải dựa vào tình hình thực tế của nền kinh tế; đồng thời cần tích cực đổi mới tư duy kinh tế để cởi trói, thúc đẩy kinh tế phát triển mạnh mẽ. Như vậy, việc giải thích khái niệm cơ sở hạ tầng, kiến trúc thượng tầng dựa vào tình huống giúp SV dễ dàng tiếp thu, khắc phục cách hiểu sai về các khái niệm đó.

Bước 3: *Vận dụng nhận thức vào thực tiễn.*

Sau khi giảng giải các khái niệm và rút ra ý nghĩa phương pháp luận, GV kiểm tra, củng cố lại kiến thức của SV thông qua tình huống thực tiễn mới.

Vận dụng QLNT vào dạy học triết học đem lại hiệu quả cao trong dạy và học. Nó giúp SV hứng thú, đón nhận kiến thức một cách chủ động. Không những thế nó còn giúp tháo gỡ một số vướng mắc trong thực tiễn dạy học môn triết học như: tâm lý chán nản của SV, coi tri thức triết học là vô nghĩa.

3. Kết luận

QLNT có ý nghĩa phương pháp luận to lớn trong hoạt động nhận thức và thực tiễn của con người. Nó giúp con người hiểu được quy luật khách quan của quá trình nhận thức; hiểu được mối liên hệ giữa thực tiễn và nhận thức, giữa việc học đi đôi với hành. Vận dụng QLNT vào giảng dạy triết học là một sự thay đổi phương pháp giảng dạy phù hợp với tính đặc thù của tri thức triết học. Hơn nữa, nó còn là cách thức giúp người học hiểu được triết học chính là tri thức về cuộc sống.

Tài liệu tham khảo

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Triết học Mác – Lênin* (dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, Tr. 274.

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2013), *Tài liệu tập huấn dạy học theo mô hình trường học mới ở Việt Nam*, Hà Nội.